TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123 /2018/DS-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng cầm cố QSD đất và tranh chấp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lưu Minh Tú**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Kim Vân**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- ***Thư ký phiên toà***: Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Thị Điểu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 635/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất; hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tranh chấp hụi"; theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 350/2018/QĐXXST-DS, ngày 29/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa 247/2018/QĐST-DS, ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số 12, tổ 1, Ấp 3, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh - Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh S là ông Huỳnh Ngọc E, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 12, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: **Võ Văn Nhựt H**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 08/6, tổ 2, Ấp 2, xã Mỹ Hiệp, H. Cao Lãnh - Đồng Tháp.

Trần Thị E, sinh năm 1970;

Địa chỉ: tổ 5, Ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(anh Ngọc E có mặt; ông H, bà É vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Huỳnh Ngọc E là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Văn S trình bày**:

Vào tháng 8/2014, anh Sang có nhận cố đất của ông Hoàng và bà Én diện tích 02 công đất vườn; giá là 15 chỉ vàng 24k; thời hạn cố đất là 03 năm (từ tháng 8/2014 đến tháng 8/2017). Sau khi cố đất, anh Sang cho ông Hoàng thuê lại với giá 9.000.000đ/năm, sau đó giảm xuống còn 6.000.000đ/năm. Tuy nhiên, đến tháng 8/2017 hết thời hạn cố đất nhưng ông Hoàng, bà Én không trả lại vàng cố đất (15 chỉ) cho anh Sang theo thỏa thuận; đối với tiền thuê đất, ông Hoàng, bà Én cũng nợ lại anh Sang số tiền là 6.000.000đ đến nay chưa trả.

Ngoài ra, trước đây, ông Hoàng (tên thường gọi là Út Sộ), bà Én có tham gia chơi nhiều dây hụi do anh Sang làm chủ hụi cụ thể như sau: dây thứ nhất, hụi tháng 2.000.000đ/tháng; thời gian tham gia ngày 10/01/2015; gồm 20 người tham gia; ông Hoàng, bà Én tham gia một chân; hụi khui vào ngày 10 hàng tháng âm lịch; ông Hoàng bà En hốt vào 06/2015; sau đó đóng hụi chết được 11 lần còn lại 9 lần không đóng số tiền là 18.000.000đ. Dây thứ 2, hụi tháng 1.000.000đ/tháng; thời gian khui tháng 01/2015 âm lịch; gồm 21 người tham gia; ông Hoàng, bà Én tham gia một chân; hụi khui vào ngày 15 hàng tháng âm lịch; ông Hoàng, bà Én hốt hụi vào 01/2015; sau đó đóng hụi chết được 11 lần, còn lại 10 lần không đóng số tiền là 10.000.000đ. Dây thứ 3, hụi tháng 1.000.000đ/tháng; thời gian khui ngày 20/9/2014; gồm 22 người tham gia; ông Hoàng, bà Én tham gia một chân; hụi khui vào ngày 20 hàng tháng âm lịch; ông Hoàng, bà Én hốt hụi vào 11/2015; sau đó đóng hụi chết được 15 lần, còn lại 7 lần không đóng số tiền là 7.000.000đ. Dây thứ 4, hụi tháng 1.000.000đ/tháng; thời gian khui ngày 18/9/2015; gồm 21 người tham gia; ông Hoàng, bà Én tham gia một chân; hụi khui vào ngày 18 hàng tháng âm lịch; ông Hoàng, bà Én hốt hụi vào 09/2015; sau đó đóng hụi chết được 03 lần, còn lại 18 lần không đóng số tiền là 18.000.000đ.

Tổng số tiền hụi mà ông Hoàng và bà Én nợ anh Sang là 53.000.000đ. Đến năm 2016, ông Hoàng, bà Én thống nhất xác nhận mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh Sang số tiền 26.500.000đ, theo các biên nhận ngày 17/3/2016. Tuy nhiên, đến nay ông Hoàng, bà Én vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Mặc dù anh Sang đã nhiều lần yêu cầu ông Hoàng, bà Én phải trả cho anh các khoản nợ trên nhưng ông Hoàng, bà Én vẫn không thực hiện.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là rút lại phần yêu cầu trả tiền thuê đất là 6.000.000đ.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu:

- Hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Sang với ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E; đồng thời yêu cầu ông Hoàng, bà Én phải liên đới trả cho anh Sang số vàng cố đất là 15 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi);

- Yêu cầu ông Hoàng, bà Én trả cho anh Sang số tiền hụi còn nợ là 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng), cụ thể bà Én trả 26.500.000đ; ông Hoàng trả 26.500.000đ.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/10/2018, bị đơn Trần Thị E trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông Hoàng có cố đất cho anh Huỳnh Văn S là 15 chỉ vàng 24k; thời hạn cố là 03 năm, cố từ tháng 8/2014. Sau đó bà và ông Hoàng thuê lại phần đất đã cố để sử dụng, giá 9.000.000đ/năm; bà có trả cho anh Sang được 27.000.000đ (trả 3 năm thuê đất), còn lại năm thứ 4 chưa trả, số tiền 6.000.000đ. Do làm ăn thất bại nên đến nay chưa chuộc lại đất và chưa trả số tiền thuê đất còn nợ.

Nay bà đồng ý hủy hợp đồng cố đất ngày 18/8/2014 giữa bà, ông Hoàng với anh Sang; bà đồng ý liên đới với ông Hoàng trả lại cho anh Sang số tiền cố đất là 15 chỉ vàng 24k; đối với số tiền thuê đất 6.000.000đ xin phía nguyên đơn giảm vì hiện nay bà không còn khả năng trả.

Đối với yêu cầu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bà và ông Hoàng trả số tiền hụi là 53.000.000đ, bà không đồng ý trả, vì bà cho rằng không có chơi hụi của anh Sang và không có nợ tiền hụi của anh Sang mà bà chỉ thừa nhận có chơi hụi và còn nợ tiền hụi của mẹ anh Sang (không biết họ tên) số tiền là 19.000.000đ. Trong đó, có 3 dây hụi; 02 dây 500.000đ; 01 dây 1.000.000đ. Các dây hụi này hiện nay đã mãn hụi. Nhưng bà thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 17/3/2018 là của bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Võ Văn Nhựt H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập; ông Hoàng đã biết nội dung vụ án, tuy nhiên ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay.

* Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

- Giấy cố đất (bản gốc);

- Biên nhận nợ của ông Hoàng ngày 17/3/2016 (bản gốc);

- Biên nhận nợ của bà Én ngày 17/3/2016 (bản gốc);

- Xác nhận địa chỉ bị đơn;

- Bản tự khai ngày 07/11/2018 của bà Lê Thị Hai.

* Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh, các bên đã thống nhất: Các bên thừa nhận có cố đất theo giấy cố đất ngày 18/8/2014; đồng ý hủy HĐ cầm cố quyền sử dụng đất, đồng ý trả lại vàng cố đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật**: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Văn S yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Sang với ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E; đồng thời yêu cầu ông Hoàng, bà Én phải liên đới trả cho anh Sang số vàng cố đất là 15 chỉ vàng 24k; Và yêu cầu ông Hoàng, bà Én trả cho anh Sang số tiền hụi còn nợ là 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng), cụ thể bà Én trả 26.500.000đ; ông Hoàng trả 26.500.000đ. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và tranh chấp hụi".

Tại phiên tòa phía nguyên đơn rút yêu cầu đối với tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, không yêu cầu phía bị đơn trả tiền thuê đất, việc này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết mối quan hệ pháp luật này.

[2] **Về thẩm quyền**: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, địa chỉ của bị đơn tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bị đơn đã được tống đạt và triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:**

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, vào tháng 8/2014, anh Sang có nhận cố đất của ông Hoàng và bà Én diện tích 02 công đất vườn; giá là 15 chỉ vàng 24k; thời hạn cố đất là 03 năm (từ tháng 8/2014 đến tháng 8/2017). Sau khi cố đất, nguyên đơn cho ông Hoàng thuê lại với giá 9.000.000đ/năm, sau đó giảm xuống còn 6.000.000đ/năm. Tuy nhiên, đến tháng 8/2017 hết thời hạn cố đất nhưng ông Hoàng, bà Én không trả lại vàng cố đất (15 chỉ) cho anh Sang theo thỏa thuận nên nay nguyên đơn yêu cầu hủy giao dịch dân sự là hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Sang với ông Võ Văn

Nhựt H và bà Trần Thị E; đồng thời yêu cầu ông Hoàng, bà Én phải liên đới trả cho anh Sang số vàng cố đất là 15 chỉ vàng 24k, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của phía nguyên đơn phù hợp với nội dung tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất (giấy cố đất) ngày 18/8/2014 và tại phiên hòa giải ngày 04/10/2018 bị đơn Trần Thị E thừa nhận bà và ông Hoàng có cố đất cho nguyên đơn như phía nguyên đơn trình bày và đồng ý hủy hợp đồng cố đất ngày 18/8/2014 giữa bà, ông Hoàng với anh Sang; bà đồng ý liên đới với ông Hoàng trả lại cho ông Sang số tiền cố đất là 15 chỉ vàng 24k nên đây được xem là tài liệu, chứng cứ không cần chứng minh, do đó xác định hợp đồng cố đất giữa các bên là có thật; ngoài ra, theo quy định tại Điều 179 của Luật đất đai thì đất không thuộc đối tượng cấm cố giữa cá nhân với cá nhân nên hợp đồng cầm cố giữa anh Sang với bà Én, ông Hoàng là giao dịch trái pháp luật, nên vô hiệu và các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với tài sản cố là đất thì phía bị đơn đang sử dụng, bởi vì sau khi cố đất, nguyên đơn cho bị đơn thuê lại sử dụng cho đến nay, các bên không tranh chấp về đất cũng như tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu không tranh chấp đối với hợp đồng thuê đất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, phía bị đơn không tranh chấp hay yêu cầu đối với số tiền thuê đất đã trả cho phía nguyên đơn nên không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp hụi, trong năm 2015 – 2016 ông Hoàng, bà Én có tham gia chơi hụi do anh Sang làm chủ hụi và còn nợ lại số tiền 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng) đến nay chưa trả. Anh Sang yêu cầu bà Én trả cho anh Sang số tiền hụi 26.500.000đ và yêu cầu ông Hoàng trả 26.500.000đ, Xét thấy: Theo sổ hụi và các biên nhận ngày 17/3/2016 của ông Hoàng, bà Én do nguyên đơn cung cấp có nội dung "Ông Hoàng thừa nhận có nợ hụi và đồng ý trả cho ông Sang là 26.500.000đ + bà Én thừa nhận có nợ hụi và đồng ý trả cho ông Sang là 26.500.000đ", do đó lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu là sổ hụi và các biên nhận tiền hụi ngày 17/3/2016; ngoài ra, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/10/2018 bị đơn Trần Thị E thừa nhận chữ ký tên và viết họ tên trong biên nhận nợ tiền hụi ngày 17/3/2016 là của bà. Tuy nhiên bà Én cho rằng không có chơi hụi và nợ tiền hụi của anh Sang, việc này bà Én không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà; mặc khác Tòa án có thông báo cho bà Én cung cấp chứng cứ, chứng minh là không có chơi hụi và nợ tiền hụi của anh Sang nhưng trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Én cũng không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà Én là có cơ sở. Đối với ông Hoàng cũng đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã biết được nội dung vụ án nhưng ông Hoàng không có văn bản ý kiến phản đối với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn; cũng như đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng ông Hoàng không có mặt để đối chất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Hội

đồng xét xử nhận định việc bị đơn có tham gia chơi hụi của nguyên đơn và còn nợ lại số tiền 53.000.000đ là có thật; tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu mỗi người trả 26.500.000đ theo các biên nhận trên, bởi vì các bên đã tự nguyện thỏa thuận xác nhận nợ riêng với nhau, do đó lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Đối với việc bà Én nại ra là có chơi hụi và còn nợ tiền hụi của mẹ anh Sang là 19.000.000đ, chứ không có chơi hụi và nợ hụi anh Sang, xét thấy: Như nhận định trên bà Én cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà Én. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 07/11/2018 của bà Lê Thị Hai (mẹ anh Sang) trình bày bà Én, ông Hoàng không có chơi hụi và nợ tiền hụi của bà Hai mà chỉ nợ tiền hụi anh Sang, do đó lời trình bày của bà Én là không có cơ sở để xem xét.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn thống nhất gía vàng 24k (vàng 10 tuổi) vàng thị trường là 3.446.000đ/chỉ giá mua vào theo bảng giá vàng tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/11/2018, việc nay phù hợp với thực tế và sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên chấp nhận.

Từ những vấn đề trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu phía bị đơn trả lại số tiền thuê đất là 6.000.000đ; hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Sang với ông Hoàng và bà Én là giao dịch dân sự vô hiệu; buộc các bị đơn Hoàng, Én liên đới trả cho anh Sang 15 chỉ vàng 24k; buộc ông Hoàng trả cho anh Sang số tiền hụi còn nợ là 26.500.000đ; buộc bà Én trả cho anh Sang số tiền hụi còn nợ là 26.500.000đ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể:

- Ông Hoàng, bà Én phải liên đới chịu 2.584.500đ án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 15 chỉ vàng (15 x 3.446.000đ = 51.690.000đ);

- Ông Hoàng phải chịu 1.325.000đ án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hụi 26.500.000đ;

- Bà Én phải chịu 1.325.000đ án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hụi 26.500.000đ;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 123, 131, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 179 Luật đất đai; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 20, 21, 22 và Điều 23 Nghị định 144/2006/NĐ-CP; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền thuê đất là 6.000.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn S.

- Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Huỳnh Văn S với ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Buộc ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Văn S 15 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi).

- Buộc ông Võ Văn Nhựt H có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn S số tiền hụi là 26.500.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bà Trần Thị E có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn S số tiền hụi là 26.500.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E phải liên đới chịu 2.584.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Hoàng phải chịu 1.325.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị E phải chịu 1.325.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Huỳnh Văn S không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 2.670.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000765 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Minh Tú

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123 /2018/DS-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng cầm cố QSD đất và tranh chấp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lưu Minh Tú**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Kim Vân**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- ***Thư ký phiên toà***: Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Thị Điểu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 635/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất; hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tranh chấp hụi"; theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 350/2018/QĐXXST-DS, ngày 29/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa 247/2018/QĐST-DS, ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số 12, tổ 1, Ấp 3, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh - Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh Sang là ông Huỳnh Ngọc E, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 12, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: **Võ Văn Nhựt H**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 08/6, tổ 2, Ấp 2, xã Mỹ Hiệp, H. Cao Lãnh - Đồng Tháp.

Trần Thị E, sinh năm 1970;

Địa chỉ: tổ 5, Ấp 1, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(anh Ngọc Em có mặt; ông Hoàng, bà Én vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Huỳnh Ngọc E là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Văn S trình bày**:

Vào tháng 8/2014, anh Sang có nhận cố đất của ông Hoàng và bà Én diện tích 02 công đất vườn; giá là 15 chỉ vàng 24k; thời hạn cố đất là 03 năm (từ tháng 8/2014 đến tháng 8/2017). Sau khi cố đất, anh Sang cho ông Hoàng thuê lại với giá 9.000.000đ/năm, sau đó giảm xuống còn 6.000.000đ/năm. Tuy nhiên, đến tháng 8/2017 hết thời hạn cố đất nhưng ông Hoàng, bà Én không trả lại vàng cố đất (15 chỉ) cho anh Sang theo thỏa thuận; đối với tiền thuê đất, ông Hoàng, bà Én cũng nợ lại anh Sang số tiền là 6.000.000đ đến nay chưa trả.

Ngoài ra, trước đây, ông Hoàng (tên thường gọi là Út Sộ), bà Én có tham gia chơi nhiều dây hụi do anh Sang làm chủ hụi cụ thể như sau: dây thứ nhất, hụi tháng 2.000.000đ/tháng; thời gian tham gia ngày 10/01/2015; gồm 20 người tham gia; ông Hoàng, bà Én tham gia một chân; hụi khui vào ngày 10 hàng tháng âm lịch; ông Hoàng bà En hốt vào 06/2015; sau đó đóng hụi chết được 11 lần còn lại 9 lần không đóng số tiền là 18.000.000đ. Dây thứ 2, hụi tháng 1.000.000đ/tháng; thời gian khui tháng 01/2015 âm lịch; gồm 21 người tham gia; ông Hoàng, bà Én tham gia một chân; hụi khui vào ngày 15 hàng tháng âm lịch; ông Hoàng, bà Én hốt hụi vào 01/2015; sau đó đóng hụi chết được 11 lần, còn lại 10 lần không đóng số tiền là 10.000.000đ. Dây thứ 3, hụi tháng 1.000.000đ/tháng; thời gian khui ngày 20/9/2014; gồm 22 người tham gia; ông Hoàng, bà Én tham gia một chân; hụi khui vào ngày 20 hàng tháng âm lịch; ông Hoàng, bà Én hốt hụi vào 11/2015; sau đó đóng hụi chết được 15 lần, còn lại 7 lần không đóng số tiền là 7.000.000đ. Dây thứ 4, hụi tháng 1.000.000đ/tháng; thời gian khui ngày 18/9/2015; gồm 21 người tham gia; ông Hoàng, bà Én tham gia một chân; hụi khui vào ngày 18 hàng tháng âm lịch; ông Hoàng, bà Én hốt hụi vào 09/2015; sau đó đóng hụi chết được 03 lần, còn lại 18 lần không đóng số tiền là 18.000.000đ.

Tổng số tiền hụi mà ông Hoàng và bà Én nợ anh Sang là 53.000.000đ. Đến năm 2016, ông Hoàng, bà Én thống nhất xác nhận mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh Sang số tiền 26.500.000đ, theo các biên nhận ngày 17/3/2016. Tuy nhiên, đến nay ông Hoàng, bà Én vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Mặc dù anh Sang đã nhiều lần yêu cầu ông Hoàng, bà Én phải trả cho anh các khoản nợ trên nhưng ông Hoàng, bà Én vẫn không thực hiện.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là rút lại phần yêu cầu trả tiền thuê đất là 6.000.000đ.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu:

- Hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Sang với ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E; đồng thời yêu cầu ông Hoàng, bà Én phải liên đới trả cho anh Sang số vàng cố đất là 15 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi);

- Yêu cầu ông Hoàng, bà Én trả cho anh Sang số tiền hụi còn nợ là 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng), cụ thể bà Én trả 26.500.000đ; ông Hoàng trả 26.500.000đ.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/10/2018, bị đơn Trần Thị E trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông Hoàng có cố đất cho anh Huỳnh Văn S là 15 chỉ vàng 24k; thời hạn cố là 03 năm, cố từ tháng 8/2014. Sau đó bà và ông Hoàng thuê lại phần đất đã cố để sử dụng, giá 9.000.000đ/năm; bà có trả cho anh Sang được 27.000.000đ (trả 3 năm thuê đất), còn lại năm thứ 4 chưa trả, số tiền 6.000.000đ. Do làm ăn thất bại nên đến nay chưa chuộc lại đất và chưa trả số tiền thuê đất còn nợ.

Nay bà đồng ý hủy hợp đồng cố đất ngày 18/8/2014 giữa bà, ông Hoàng với anh Sang; bà đồng ý liên đới với ông Hoàng trả lại cho anh Sang số tiền cố đất là 15 chỉ vàng 24k; đối với số tiền thuê đất 6.000.000đ xin phía nguyên đơn giảm vì hiện nay bà không còn khả năng trả.

Đối với yêu cầu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bà và ông Hoàng trả số tiền hụi là 53.000.000đ, bà không đồng ý trả, vì bà cho rằng không có chơi hụi của anh Sang và không có nợ tiền hụi của anh Sang mà bà chỉ thừa nhận có chơi hụi và còn nợ tiền hụi của mẹ anh Sang (không biết họ tên) số tiền là 19.000.000đ. Trong đó, có 3 dây hụi; 02 dây 500.000đ; 01 dây 1.000.000đ. Các dây hụi này hiện nay đã mãn hụi. Nhưng bà thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 17/3/2018 là của bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Võ Văn Nhựt H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập; ông Hoàng đã biết nội dung vụ án, tuy nhiên ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay.

* Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

- Giấy cố đất (bản gốc);

- Biên nhận nợ của ông Hoàng ngày 17/3/2016 (bản gốc);

- Biên nhận nợ của bà Én ngày 17/3/2016 (bản gốc);

- Xác nhận địa chỉ bị đơn;

- Bản tự khai ngày 07/11/2018 của bà Lê Thị Hai.

* Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh, các bên đã thống nhất: Các bên thừa nhận có cố đất theo giấy cố đất ngày 18/8/2014; đồng ý hủy HĐ cầm cố quyền sử dụng đất, đồng ý trả lại vàng cố đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật**: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Văn S yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Sang với ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E; đồng thời yêu cầu ông Hoàng, bà Én phải liên đới trả cho anh Sang số vàng cố đất là 15 chỉ vàng 24k; Và yêu cầu ông Hoàng, bà Én trả cho anh Sang số tiền hụi còn nợ là 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng), cụ thể bà Én trả 26.500.000đ; ông Hoàng trả 26.500.000đ. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và tranh chấp hụi".

Tại phiên tòa phía nguyên đơn rút yêu cầu đối với tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, không yêu cầu phía bị đơn trả tiền thuê đất, việc này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết mối quan hệ pháp luật này.

[2] **Về thẩm quyền**: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, địa chỉ của bị đơn tại ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bị đơn đã được tống đạt và triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:**

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, vào tháng 8/2014, anh Sang có nhận cố đất của ông Hoàng và bà Én diện tích 02 công đất vườn; giá là 15 chỉ vàng 24k; thời hạn cố đất là 03 năm (từ tháng 8/2014 đến tháng 8/2017). Sau khi cố đất, nguyên đơn cho ông Hoàng thuê lại với giá 9.000.000đ/năm, sau đó giảm xuống còn 6.000.000đ/năm. Tuy nhiên, đến tháng 8/2017 hết thời hạn cố đất nhưng ông Hoàng, bà Én không trả lại vàng cố đất (15 chỉ) cho anh Sang theo thỏa thuận nên nay nguyên đơn yêu cầu hủy giao dịch dân sự là hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Sang với ông Võ Văn

Nhựt H và bà Trần Thị E; đồng thời yêu cầu ông Hoàng, bà Én phải liên đới trả cho anh Sang số vàng cố đất là 15 chỉ vàng 24k, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của phía nguyên đơn phù hợp với nội dung tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất (giấy cố đất) ngày 18/8/2014 và tại phiên hòa giải ngày 04/10/2018 bị đơn Trần Thị E thừa nhận bà và ông Hoàng có cố đất cho nguyên đơn như phía nguyên đơn trình bày và đồng ý hủy hợp đồng cố đất ngày 18/8/2014 giữa bà, ông Hoàng với anh Sang; bà đồng ý liên đới với ông Hoàng trả lại cho ông Sang số tiền cố đất là 15 chỉ vàng 24k nên đây được xem là tài liệu, chứng cứ không cần chứng minh, do đó xác định hợp đồng cố đất giữa các bên là có thật; ngoài ra, theo quy định tại Điều 179 của Luật đất đai thì đất không thuộc đối tượng cấm cố giữa cá nhân với cá nhân nên hợp đồng cầm cố giữa anh Sang với bà Én, ông Hoàng là giao dịch trái pháp luật, nên vô hiệu và các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với tài sản cố là đất thì phía bị đơn đang sử dụng, bởi vì sau khi cố đất, nguyên đơn cho bị đơn thuê lại sử dụng cho đến nay, các bên không tranh chấp về đất cũng như tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu không tranh chấp đối với hợp đồng thuê đất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, phía bị đơn không tranh chấp hay yêu cầu đối với số tiền thuê đất đã trả cho phía nguyên đơn nên không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp hụi, trong năm 2015 – 2016 ông Hoàng, bà Én có tham gia chơi hụi do anh Sang làm chủ hụi và còn nợ lại số tiền 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng) đến nay chưa trả. Anh Sang yêu cầu bà Én trả cho anh Sang số tiền hụi 26.500.000đ và yêu cầu ông Hoàng trả 26.500.000đ, Xét thấy: Theo sổ hụi và các biên nhận ngày 17/3/2016 của ông Hoàng, bà Én do nguyên đơn cung cấp có nội dung "Ông Hoàng thừa nhận có nợ hụi và đồng ý trả cho ông Sang là 26.500.000đ + bà Én thừa nhận có nợ hụi và đồng ý trả cho ông Sang là 26.500.000đ", do đó lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu là sổ hụi và các biên nhận tiền hụi ngày 17/3/2016; ngoài ra, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/10/2018 bị đơn Trần Thị E thừa nhận chữ ký tên và viết họ tên trong biên nhận nợ tiền hụi ngày 17/3/2016 là của bà. Tuy nhiên bà Én cho rằng không có chơi hụi và nợ tiền hụi của anh Sang, việc này bà Én không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà; mặc khác Tòa án có thông báo cho bà Én cung cấp chứng cứ, chứng minh là không có chơi hụi và nợ tiền hụi của anh Sang nhưng trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Én cũng không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà Én là có cơ sở. Đối với ông Hoàng cũng đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã biết được nội dung vụ án nhưng ông Hoàng không có văn bản ý kiến phản đối với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn; cũng như đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng ông Hoàng không có mặt để đối chất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Hội

đồng xét xử nhận định việc bị đơn có tham gia chơi hụi của nguyên đơn và còn nợ lại số tiền 53.000.000đ là có thật; tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu mỗi người trả 26.500.000đ theo các biên nhận trên, bởi vì các bên đã tự nguyện thỏa thuận xác nhận nợ riêng với nhau, do đó lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Đối với việc bà Én nại ra là có chơi hụi và còn nợ tiền hụi của mẹ anh Sang là 19.000.000đ, chứ không có chơi hụi và nợ hụi anh Sang, xét thấy: Như nhận định trên bà Én cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà Én. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 07/11/2018 của bà Lê Thị Hai (mẹ anh Sang) trình bày bà Én, ông Hoàng không có chơi hụi và nợ tiền hụi của bà Hai mà chỉ nợ tiền hụi anh Sang, do đó lời trình bày của bà Én là không có cơ sở để xem xét.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn thống nhất gía vàng 24k (vàng 10 tuổi) vàng thị trường là 3.446.000đ/chỉ giá mua vào theo bảng giá vàng tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/11/2018, việc nay phù hợp với thực tế và sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên chấp nhận.

Từ những vấn đề trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu phía bị đơn trả lại số tiền thuê đất là 6.000.000đ; hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Sang với ông Hoàng và bà Én là giao dịch dân sự vô hiệu; buộc các bị đơn Hoàng, Én liên đới trả cho anh Sang 15 chỉ vàng 24k; buộc ông Hoàng trả cho anh Sang số tiền hụi còn nợ là 26.500.000đ; buộc bà Én trả cho anh Sang số tiền hụi còn nợ là 26.500.000đ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể:

- Ông Hoàng, bà Én phải liên đới chịu 2.584.500đ án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 15 chỉ vàng (15 x 3.446.000đ = 51.690.000đ);

- Ông Hoàng phải chịu 1.325.000đ án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hụi 26.500.000đ;

- Bà Én phải chịu 1.325.000đ án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hụi 26.500.000đ;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 123, 131, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 179 Luật đất đai; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 20, 21, 22 và Điều 23 Nghị định 144/2006/NĐ-CP; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền thuê đất là 6.000.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn S.

- Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 18/8/2014 giữa anh Huỳnh Văn S với ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Buộc ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Văn S 15 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi).

- Buộc ông Võ Văn Nhựt H có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn S số tiền hụi là 26.500.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bà Trần Thị E có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn S số tiền hụi là 26.500.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Võ Văn Nhựt H và bà Trần Thị E phải liên đới chịu 2.584.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Hoàng phải chịu 1.325.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị E phải chịu 1.325.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Huỳnh Văn S không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 2.670.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000765 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Kim Vân – Hồ Thị Mai Hương **Lưu Minh Tú**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Minh Tú